

Số: 753/TB-PTQĐ

Hương Trà, ngày 24 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu phân lô xen ghép và Khu quy hoạch tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thu hồi và giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Hương Trà để quản lý khu đất xen ghép tại Tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thu hồi và giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Hương Trà để quản lý tại Khu quy hoạch Tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2010 của UBND huyện Hương Trà, nay là thị xã Hương Trà về việc phê duyệt quy hoạch, phân lô khu dịch vụ, dân cư;

Căn cứ Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND thị xã Hương Trà về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tổng mặt bằng dự án Hạ tầng khu quy hoạch TDP3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của UBND thị xã Hương Trà về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất các khu đất trên địa bàn thị xã Hương Trà năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của UBND thị xã Hương Trà về việc đấu giá quyền sử dụng đất Khu đất xen ghép Tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của UBND thị xã Hương Trà về việc đấu giá quyền sử dụng đất Khu quy hoạch Tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà;

Căn cứ Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023 của UBND thị xã Hương Trà về việc đấu giá quyền sử dụng đất Khu quy hoạch Tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà

Căn cứ Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của UBND thị xã Hương Trà về việc phê duyệt quy định giá khởi điểm, mức thu tiền đặt trước, bước giá để đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu phân lô xen ghép và Khu quy hoạch tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà.

Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Hương Trà thông báo lựa chọn đơn vị Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu phân lô xen ghép và Khu quy hoạch tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Hương Trà.
- Địa chỉ: 113 Cách mạng tháng Tám, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Điện thoại: 02343.777.177 / 090.1977090

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng và giá khởi điểm tài sản đấu giá:

- Tên tài sản: Quyền sử dụng đất 49 lô đất tại Khu phân lô xen ghép và Khu quy hoạch tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong đó: - Khu phân lô xen ghép TDP3, phường Tứ Hạ: 01 lô.

- Khu quy hoạch TDP3, phường Tứ Hạ: 48 lô.

- Địa chỉ khu đất: tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Diện tích quỹ đất: 8.636,8 m²

Trong đó: - Khu phân lô xen ghép TDP3, phường Tứ Hạ: 184,0 m².

- Khu quy hoạch TDP3, phường Tứ Hạ: 8.452,8 m².

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

5. Giá khởi điểm: 58.630.050.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng).

Đơn giá này chưa bao gồm lệ phí trước bạ về đất và các khoản phí, lệ phí khác theo quy định.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Các đơn vị tổ chức đấu giá tài sản có đầy đủ điều kiện đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại điều 56 Luật đấu giá tài sản; Điều 3 và Phụ lục 1 bảng tiêu chí đánh giá,

chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản (kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp). Cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0

2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0

IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định: Tổ chức, doanh nghiệp đấu giá tài sản có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	- Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	- Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

4. Cách thức lựa chọn đơn vị đấu giá:

Theo Điều 05 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá.

5. Thông báo, huỷ bỏ kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá:

Theo Điều 06 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá.

6. Các trường hợp người có tài sản đấu giá từ chối đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức đấu giá tài sản:

Theo Điều 07 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá.

7. Trách nhiệm của người có tài sản đấu giá, cơ quan chủ quản của người có tài sản đấu giá:

Theo Điều 08 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá.

8. Hồ sơ đăng ký thực hiện đấu giá:

- Công văn đăng ký thực hiện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu phân lô xen ghép và Khu quy hoạch tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế kèm theo mức thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí thực hiện đấu giá;
- Hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá có thể hiện đầy đủ các tiêu chí nói trên;
- Phương án thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu phân lô xen ghép và Khu quy hoạch tổ dân phố 3, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Cam kết bảo mật thông tin, thực hiện đúng trình tự, thủ tục đấu giá theo quy định của Pháp luật và chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của đơn vị mình.

9. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian nộp hồ sơ: Trong giờ hành chính kể từ ngày ra Thông báo cho đến **17 giờ 00** ngày **28/11/2023**.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Hương Trà. Địa chỉ: 113 Cách mạng tháng Tám, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điện thoại liên hệ: 02343.777177/ 090.1977090 (Lưu ý: *Hồ sơ đăng ký không được lựa chọn Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Hương Trà sẽ không hoàn trả lại*).

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Hương Trà.

Địa chỉ: 113 Cách mạng tháng Tám, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Số điện thoại: 02343.777.177 / 0901.977090.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Hương Trà trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- UBND TX Hương Trà (b/c);
- Công TTĐT Quốc gia về đấu giá tài sản tại địa chỉ: <https://dgts.moj.gov.vn> (để đăng tin);
- Công TTĐT thị xã Hương Trà (để đăng tin);
- Lưu;

GIÁM ĐỐC

Trần Xuân Đông

**PHỤ LỤC: GIÁ KHỞI ĐIỂM, MỨC THU TIỀN ĐẶT TRƯỚC, BƯỚC GIÁ ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT 49 LÔ ĐẤT
TẠI KHU PHÂN LÔ XEN GHÉP VÀ KHU QUY HOẠCH TỔ DÂN PHỐ 3, PHƯỜNG TỨ HẠ, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

Kèm theo Thông báo số: 753/TB-PTQĐ ngày 24/11/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Hương Trà

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Số thửa	Tờ bản đồ	Khu vực - vị trí	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
I./ KHU PHÂN LÔ XEN GHÉP TDP 3, PHƯỜNG TỨ HẠ										
1	6	184,0	425	9	Vị trí 2, đường Cách mạng tháng 8 (đoạn 3, từ Công Miếu Đồi hói Kim Trà đến Cầu An Lỗ)	4.500.000	828.000.000	165.600.000	30.000.000	
II./ KHU QUY HOẠCH TDP 3, PHƯỜNG TỨ HẠ										
1	LK1-01	302,2	399	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường Sông Bồ 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8)	8.000.000	2.417.600.000	483.520.000	80.000.000	
2	LK1-02	187,0	400	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường Sông Bồ 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8)	8.000.000	1.496.000.000	299.200.000	60.000.000	
3	LK1-03	187,0	401	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường Sông Bồ 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8)	8.000.000	1.496.000.000	299.200.000	60.000.000	
4	LK1-04	187,0	402	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường Sông Bồ 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8)	8.000.000	1.496.000.000	299.200.000	60.000.000	
5	LK1-05	187,0	403	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường Sông Bồ 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8)	8.000.000	1.496.000.000	299.200.000	60.000.000	
6	LK1-06	242,0	404	3	Vị trí 1, hai mặt tiền đường Sông Bồ 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8) và đường QH 9,5m	8.300.000	2.008.600.000	401.720.000	80.000.000	
7	LK1-07	229,0	405	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	1.374.000.000	274.800.000	50.000.000	
8	LK1-08	125,5	406	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	753.000.000	150.600.000	30.000.000	

9	LK1-09	128,2	407	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	769.200.000	153.840.000	30.000.000	
10	LK1-10	131,7	408	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	790.200.000	158.040.000	30.000.000	
11	LK1-11	140,3	409	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m (kích thước cạnh chiều sâu tương đối gần 9,5m)	5.500.000	771.650.000	154.330.000	30.000.000	
12	LK2-01	252,9	410	3	Vị trí 1, hai mặt tiền đường Sông Bò 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8) và đường QH 9,5m	8.300.000	2.099.070.000	419.814.000	80.000.000	
13	LK2-02	211,5	411	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường Sông Bò 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8)	8.000.000	1.692.000.000	338.400.000	60.000.000	
14	LK2-03	211,5	412	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường Sông Bò 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8)	8.000.000	1.692.000.000	338.400.000	60.000.000	
15	LK2-04	275,4	413	3	Vị trí 1, hai mặt tiền đường Sông Bò 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8) và đường QH 9,5m	8.300.000	2.285.820.000	457.164.000	80.000.000	
16	LK2-05	216,2	414	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	1.297.200.000	259.440.000	50.000.000	
17	LK2-06	156,8	415	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	940.800.000	188.160.000	35.000.000	
18	LK2-07	148,5	416	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	891.000.000	178.200.000	35.000.000	
19	LK2-08	148,5	417	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	891.000.000	178.200.000	35.000.000	
20	LK2-09	148,5	418	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	891.000.000	178.200.000	35.000.000	
21	LK2-10	148,5	419	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	891.000.000	178.200.000	35.000.000	
22	LK2-11	148,5	420	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	891.000.000	178.200.000	35.000.000	

23	LK2-12	180,9	421	3	Vị trí 1, hai mặt tiền đường quy hoạch số 1 (11,5m) và đường QH 9,5m	6.800.000	1.230.120.000	246.024.000	50.000.000	
24	LK2-13	163,7	422	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 11,5m	6.500.000	1.064.050.000	212.810.000	40.000.000	
25	LK2-14	167,0	423	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 11,5m	6.500.000	1.085.500.000	217.100.000	40.000.000	
26	LK2-15	193,7	424	3	Vị trí 1, hai mặt tiền đường quy hoạch số 1 (11,5m) và đường QH 9,5m	6.800.000	1.317.160.000	263.432.000	50.000.000	
27	LK2-16	148,5	425	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	891.000.000	178.200.000	35.000.000	
28	LK2-17	148,5	426	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	891.000.000	178.200.000	35.000.000	
29	LK2-18	148,5	427	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	891.000.000	178.200.000	35.000.000	
30	LK2-19	148,5	428	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	891.000.000	178.200.000	35.000.000	
31	LK2-20	148,5	429	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	891.000.000	178.200.000	35.000.000	
32	LK2-21	219,5	430	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	1.317.000.000	263.400.000	50.000.000	
33	LK3-01	265,0	431	3	Vị trí 1, hai mặt tiền đường Sông Bò 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8) và đường QH 9,5m	8.300.000	2.199.500.000	439.900.000	80.000.000	
34	LK3-02	211,6	432	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường Sông Bò 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8)	8.000.000	1.692.800.000	338.560.000	60.000.000	
35	LK3-03	253,1	433	3	Vị trí 1, hai mặt tiền đường Sông Bò 16,5m (đoạn từ Đình làng Phú Ốc đến Cách mạng tháng 8) và đường QH 9,5m	8.300.000	2.100.730.000	420.146.000	80.000.000	
36	LK3-04	166,4	434	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	998.400.000	199.680.000	40.000.000	

37	LK3-05	150,0	435	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	900.000.000	180.000.000	35.000.000	
38	LK3-06	150,0	436	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	900.000.000	180.000.000	35.000.000	
39	LK3-07	150,0	437	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	900.000.000	180.000.000	35.000.000	
40	LK3-08	150,0	438	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	900.000.000	180.000.000	35.000.000	
41	LK3-09	142,5	439	3	Vị trí 1, hai mặt tiền đường quy hoạch số 1 (11,5m) và đường QH 9,5m	6.800.000	969.000.000	193.800.000	40.000.000	
42	LK3-10	119,9	440	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 11,5m	6.500.000	779.350.000	155.870.000	35.000.000	
43	LK3-11	122,2	441	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 11,5m	6.500.000	794.300.000	158.860.000	35.000.000	
44	LK3-12	153,0	442	3	Vị trí 1, hai mặt tiền đường quy hoạch số 1 (11,5m) và đường QH 9,5m	6.800.000	1.040.400.000	208.080.000	40.000.000	
45	LK3-13	150,0	443	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	900.000.000	180.000.000	35.000.000	
46	LK3-14	150,0	444	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	900.000.000	180.000.000	35.000.000	
47	LK3-15	150,0	445	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	900.000.000	180.000.000	35.000.000	
48	LK3-16	188,1	446	3	Vị trí 1, một mặt tiền đường quy hoạch 9,5m	6.000.000	1.128.600.000	225.720.000	40.000.000	
TỔNG CỘNG:							58.630.050.000			